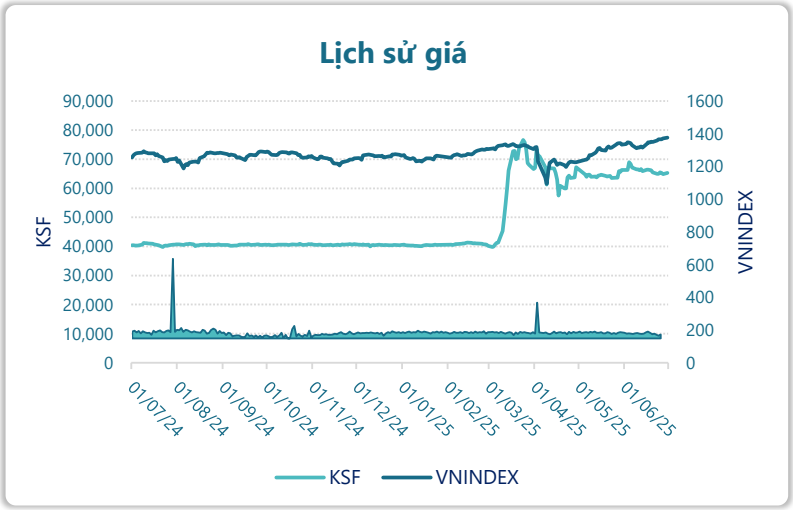
FireAnt

CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**65,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,800
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,035
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,590
P/E	82.7
EPS	789

DT thuần

Q2/25

235

tỷ VNĐ

QoQ: ▼179| -43.2%

YoY: ▼542| -69.8%

LN sau thuế

Q2/25

41.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.90| -2.2%

YoY: ▼158| -79.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

31.3%

+/- YoY: ▼ 8.9%

DT thuần

6T 2025

649

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,360| -67.7%

LN sau thuế

6T 2025

82.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼498| -85.7%

ROE

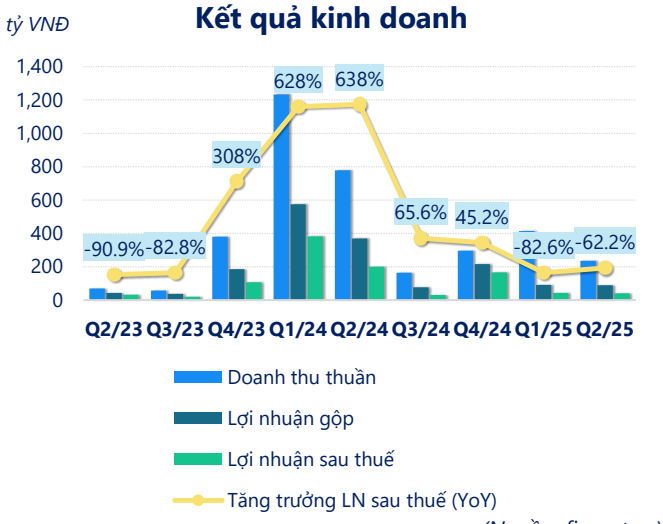
Q2/25

3.4%

+/- YoY: ▼ 4.7%

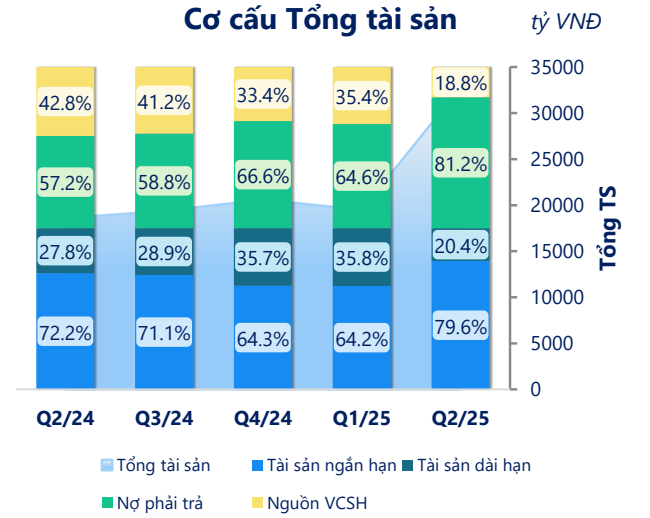
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



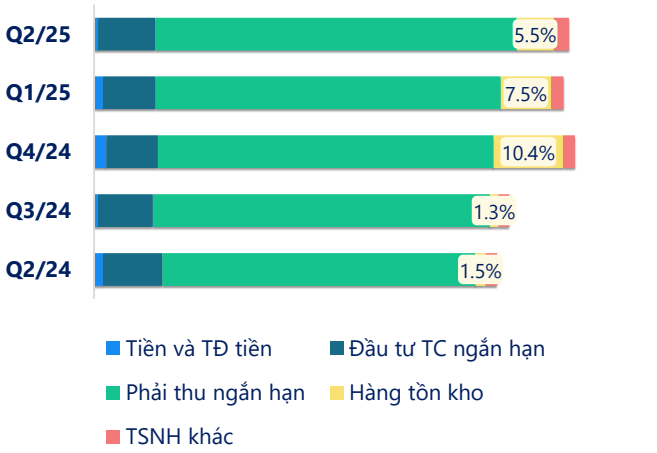
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



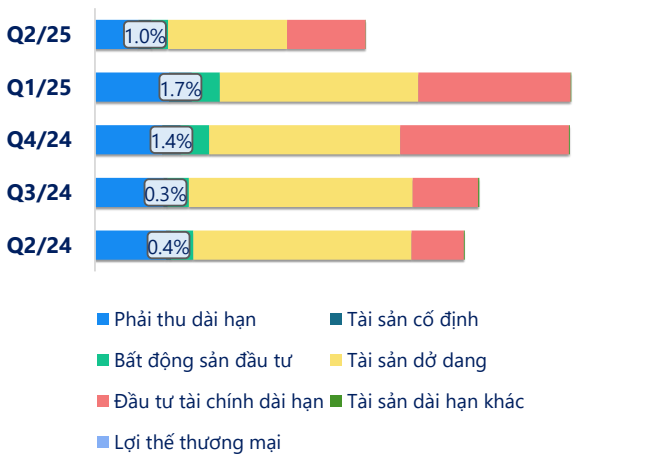
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



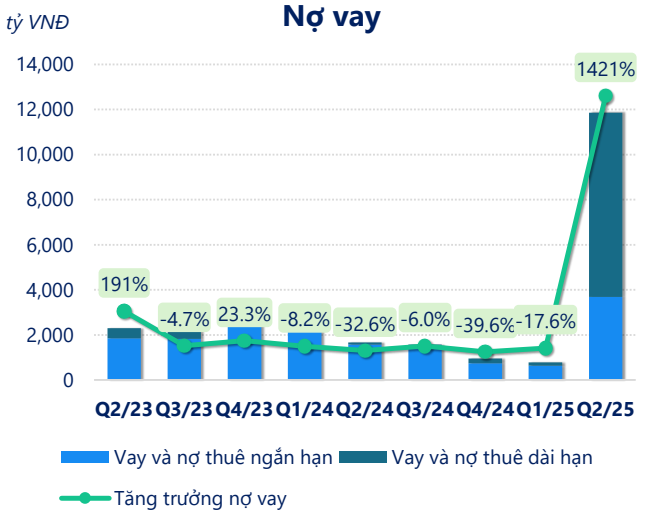
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



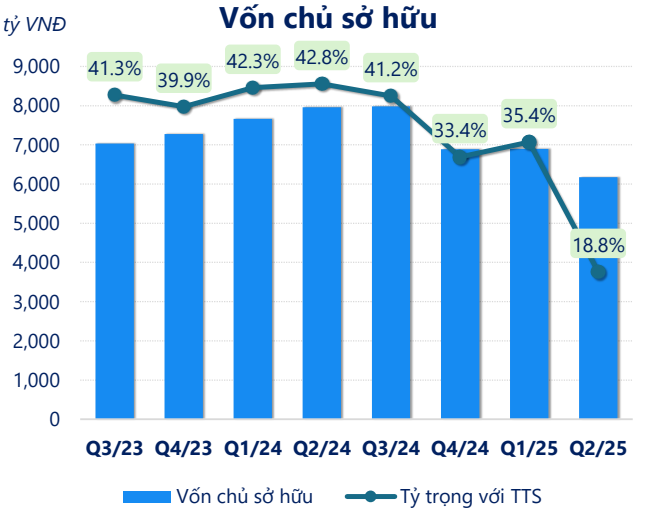
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



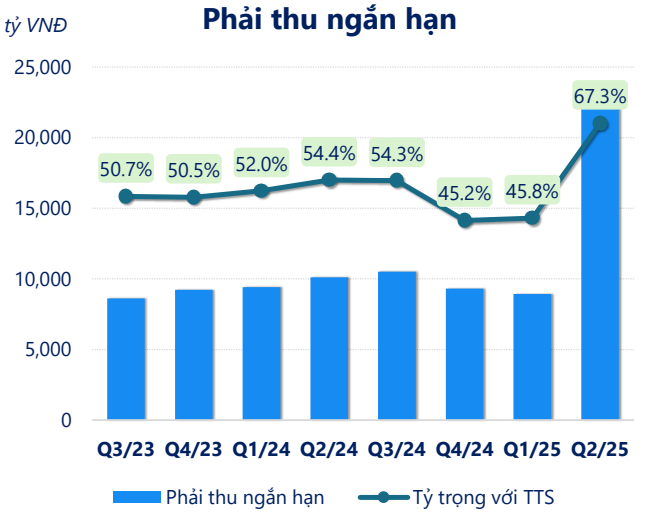
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



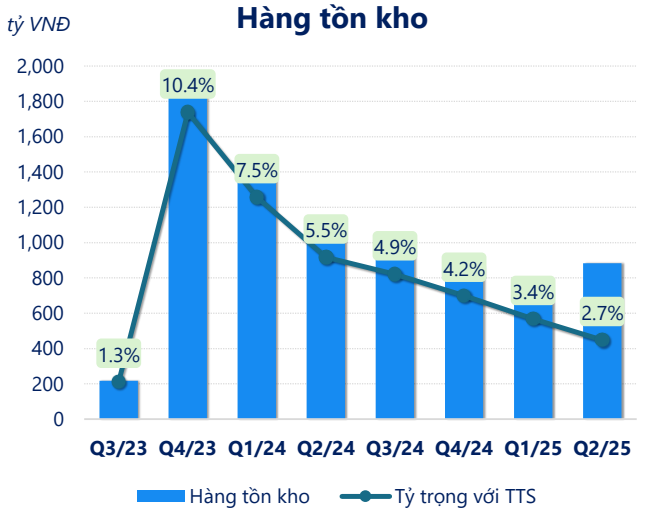
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



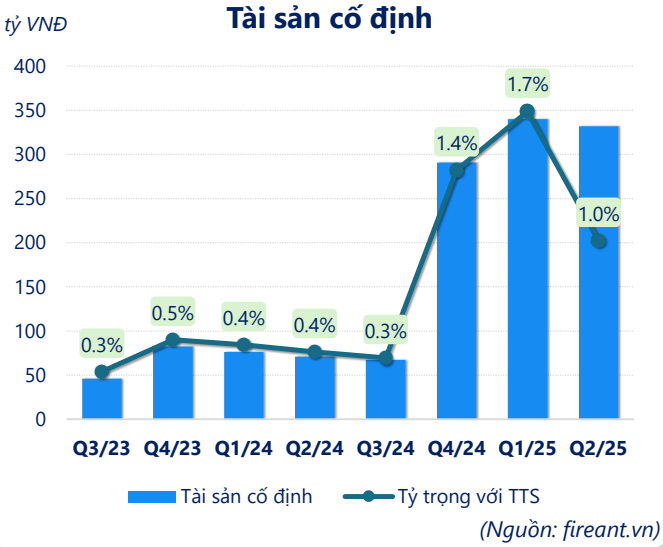
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



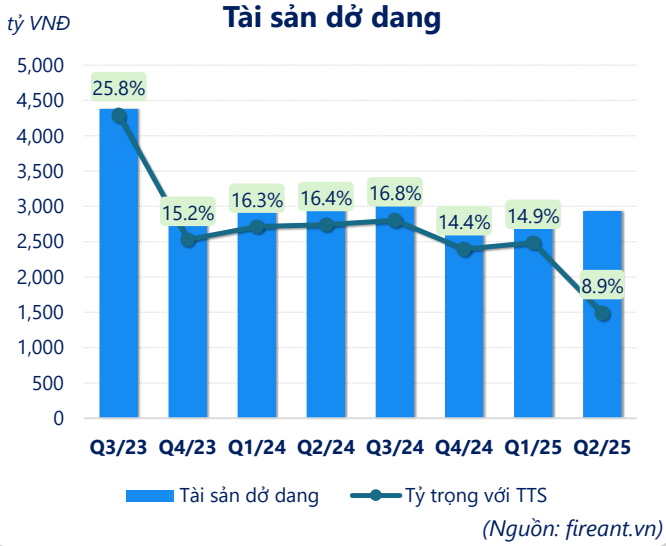
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



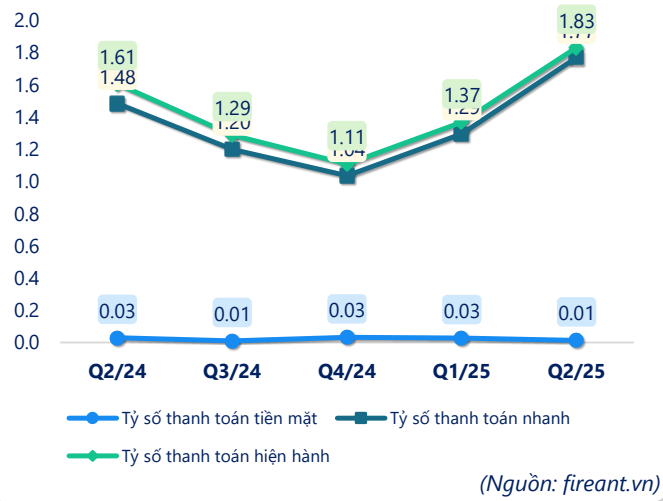
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



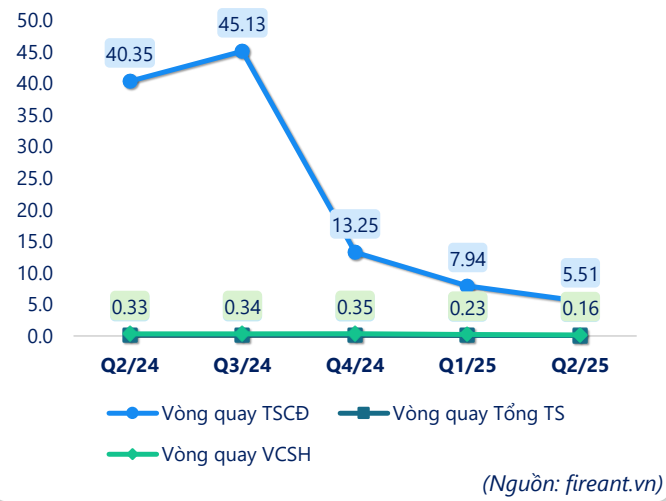
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**18,597**	**19,368**	**20,597**	**19,497**	**32,805**
Tài sản ngắn hạn	**13,423**	**13,768**	**13,238**	**12,512**	**26,118**
Tiền và tương đương tiền	248	108	386	257	197
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,601	1,624	1,972	1,970	1,945
Phải thu ngắn hạn	10,116	10,508	9,318	8,925	22,067
Hàng tồn kho	1,022	954	865	665	883
Tài sản ngắn hạn khác	435	574	698	695	1,026
Tài sản dài hạn	**5,175**	**5,600**	**7,359**	**6,985**	**6,688**
Phải thu dài hạn	994	994	1,040	1,083	1,068
Tài sản cố định	71.0	67.3	291	340	332
Bất động sản đầu tư	310	308	439	410	407
Tài sản dở dang	3,055	3,259	2,960	2,909	2,934
Đầu tư tài chính dài hạn	733	954	2,613	2,236	1,942
Tài sản dài hạn khác	12.0	18.2	17.9	6.89	5.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**10,642**	**11,383**	**13,708**	**12,603**	**26,634**
Nợ ngắn hạn	**8,359**	**10,686**	**11,944**	**9,150**	**14,259**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,573	1,423	737	629	3,685
Phải trả người bán ngắn hạn	460	299	449	434	499
Nợ dài hạn	2,282	698	1,763	3,453	12,374
Vay và nợ thuê dài hạn	93.9	144	209	151	8,175
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,956**	**7,985**	**6,889**	**6,894**	**6,172**
Vốn chủ sở hữu	**7,956**	**7,985**	**6,889**	**6,894**	**6,172**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)